ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06 /2014/QĐ-UBND	*Nha Trang, ngày 03 tháng 3 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc quản lý người hoạt động không chuyên trách giữ các chức danh thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

22
5/3/14

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của liên Bộ Nội vụ - Tài chính - Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 244/TTr-SNV ngày 21 tháng 02 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc quản lý người hoạt động không chuyên trách giữ các chức danh thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 84/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế quản lý cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (thi hành);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP, SNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Nguyễn Chiến Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về việc quản lý người hoạt động không chuyên trách giữ các chức danh thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của Quy định này bao gồm tiêu chuẩn, quyền lợi, nghĩa vụ, tuyển dụng, sử dụng, khen thưởng và kỷ luật người hoạt động không chuyên trách giữ các chức danh thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là người hoạt động không chuyên trách).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Người hoạt động không chuyên trách giữ các chức danh theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa, bao gồm: Giao thông - Thủy lợi- Xây dựng nông thôn mới (đối với xã) hoặc Môi trường đô thị (đối với phường, thị trấn); Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với những xã, phường, thị trấn chưa bố trí đủ 02 công chức Văn hóa - Xã hội); Gia đình và Trẻ em; Văn thư - Lưu trữ; Tiếp nhận và trả kết quả; Bảo vệ rừng; Đài truyền thanh; Quản lý Nhà văn hóa; Nội vụ - Dân tộc - Tôn giáo - Thi đua - Khen thưởng; Quản lý nông nghiệp (đối với những xã chưa bố trí đủ 02 công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường).

2. Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

Chương II
TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

Điều 3. Tiêu chuẩn người hoạt động không chuyên trách

1. Là công dân Việt Nam; đủ 18 tuổi trở lên; có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại địa phương nơi công tác;

2. Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công tác; đạo đức và tư cách tốt, bản thân và gia đình gương mẫu; có năng lực công tác đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao và được nhân dân tín nhiệm;

3. Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế, đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục;

4. Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học phổ thông thuộc khu vực công tác ở phường, thị trấn, xã đồng bằng và các xã thuộc khu vực I miền núi, vùng cao. Tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với các khu vực còn lại.

Ưu tiên đối với những người có trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên hoặc đã qua bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh đảm nhiệm.

Chương III
QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

Điều 4. Quyền lợi của người hoạt động không chuyên trách

1. Được hưởng phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm (nếu có) và các chế độ khác theo quy định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Được ưu tiên trong việc xét tuyển, thi tuyển chức danh công chức cấp xã theo quy định;

3. Được hỗ trợ theo chế độ quy định đối với đối tượng không hưởng lương từ ngân sách khi được cử đi công tác, học tập theo triệu tập của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

4. Được hưởng các chế độ về thời giờ làm việc, làm thêm giờ, nghỉ ngơi, nghỉ lễ, nghỉ tết theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ của người hoạt động không chuyên trách

1. Trung thành với Tổ quốc; nỗ lực, phấn đấu xây dựng địa phương phát triển;

2. Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

3. Có nếp sống lành mạnh, tôn trọng nhân dân;

4. Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế, điều lệ của cơ quan, tổ chức; giữ gìn và bảo vệ của công; bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;

5. Thường xuyên học tập, nâng cao trình độ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

6. Gương mẫu thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn; tham gia sinh hoạt với nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân tại nơi cư trú;

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi thi hành nhiệm vụ.

Chương IV
TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

Điều 6. Tuyển dụng, sử dụng người hoạt động không chuyên trách

Trên cơ sở danh sách, số lượng do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm và phân công công tác người hoạt động không chuyên trách.

Điều 7. Hồ sơ tuyển dụng người hoạt động không chuyên trách

Hồ sơ tuyển dụng người hoạt động không chuyên trách được lập thành 02 bộ; 01 bộ do Phòng Nội vụ cấp huyện quản lý lưu giữ, 01 bộ do Ủy ban nhân dân cấp xã lưu giữ, bao gồm:

1. Sơ yếu lý lịch và các phiếu kê khai bổ sung định kỳ;

2. Giấy chứng nhận sức khỏe;

3. Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ đăng ký tạm trú;

4. Quyết định bổ nhiệm;

5. Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, văn hóa và các văn bằng, chứng chỉ liên quan khác;

6. Quyết định khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

Điều 8. Thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách

Người hoạt động không chuyên trách được giải quyết thôi việc trong các trường hợp sau:

1. Theo nguyện vọng và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Có 02 năm liên tiếp được đánh giá là không hoàn thành nhiệm vụ; việc đánh giá người hoạt động không chuyên trách được thực hiện như quy định đối với công chức cấp xã.

Chương V
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

Điều 9. Khen thưởng người hoạt động không chuyên trách

Việc khen thưởng đối với người hoạt động không chuyên trách được áp dụng như quy định đối với công chức cấp xã.

Điều 10. Kỷ luật người hoạt động không chuyên trách

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách.

1. Hình thức kỷ luật:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Buộc thôi việc.

Mức độ vi phạm để quyết định hình thức kỷ luật được áp dụng như quy định đối với công chức cấp xã.

2. Quy trình xử lý kỷ luật

a) Tổ chức họp kiểm điểm:

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức cuộc họp để người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm tự kiểm điểm và nhận hình thức kỷ luật. Thành phần dự họp gồm: Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân, đại diện công chức, những người hoạt động không chuyên trách cùng công tác (do Chủ tịch

Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định), đại diện Ban chấp hành công đoàn cấp xã và đại diện lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội liên quan. Biên bản cuộc họp kiểm điểm được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Thành lập Hội đồng kỷ luật:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách có hành vi vi phạm. Thành phần Hội đồng kỷ luật: Gồm 3 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Một ủy viên là đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở;

- Một ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức phụ trách công tác tổ chức tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách bị xem xét xử lý kỷ luật khi đã có kết luận về hành vi vi phạm của cấp ủy, tổ chức Đảng theo quy định của phân cấp quản lý cán bộ thì không thành lập Hội đồng kỷ luật.

c) Trình tự ra quyết định kỷ luật:

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có kiến nghị việc xử lý kỷ luật bằng văn bản (kèm theo biên bản cuộc họp của Hội đồng kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng kỷ luật hoặc biên bản cuộc họp kiểm điểm của cơ quan trong trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định kỷ luật hoặc kết luận người hoạt động không chuyên trách không vi phạm kỷ luật.

Chương VI
QUẢN LÝ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

Điều 11. Nhiệm vụ quản lý người hoạt động không chuyên trách của Sở Nội vụ

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách;

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định cụ thể về số lượng người hoạt động không chuyên trách và việc bố trí kiêm nhiệm, kiêm nhiệm bắt buộc đối với chức danh hoạt động không chuyên trách cho từng đơn vị hành chính cấp xã;

3. Thống kê, báo cáo và hướng dẫn việc thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

4. Xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với người hoạt động không chuyên trách;

5. Hướng dẫn việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với người hoạt động không chuyên trách.

Điều 12. Nhiệm vụ quản lý người hoạt động không chuyên trách của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xét duyệt danh sách người hoạt động không chuyên trách trong số lượng ấn định; danh sách và số lượng chức danh không chuyên trách được kiêm nhiệm ngoài số lượng ấn định cho từng xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách theo quy định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách;

3. Hướng dẫn việc bố trí, quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với người hoạt động không chuyên trách;

5. Giải quyết và chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với người hoạt động không chuyên trách;

6. Quyết định khen thưởng người hoạt động không chuyên trách;

7. Thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Nhiệm vụ quản lý người hoạt động không chuyên trách của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ trì phối hợp với các tổ chức liên quan xây dựng và ban hành nội quy, quy chế làm việc của người hoạt động không chuyên trách ở địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan Nhà nước cấp trên;

2. Trực tiếp quản lý, sử dụng và thực hiện các quy định về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

3. Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách ở địa bàn, và theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền;

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với người hoạt động không chuyên trách;

5. Quyết định khen thưởng, kỷ luật và xem xét, đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp huyện khen thưởng người hoạt động không chuyên trách;

6. Thực hiện thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách theo yêu cầu của cấp trên.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo quy định này.

Điều 15. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng